

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Thực hiện dự án Khu đô thị thành phố công nghệ xanh Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đại Mỗ)

I NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BÀ NGUYỄN THỊ LÂN.

- Địa chỉ thường trú: TDP số 2 Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ giải phóng mặt bằng: Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

1 Tổng diện tích đất đang sử dụng: 968,0 m2 Trong đó:

- Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP, đã được cấp GCNQSD đất, nằm trong hạn mức giao đất: 687,0 m2
- Diện tích đất phân trăm làm nhà (theo phương án giao đất nông nghiệp): 281,0 m2

2 Diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi: 374,0 m2 Trong đó:

- Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP, đã được cấp GCNQSD đất, nằm trong hạn mức giao đất: 374,0 m2
- Tỷ lệ thu hồi đất: 54,44%
- Số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 4 khẩu

+ Diện tích đang sản xuất nông nghiệp: 374 m2 Thuộc thửa đất số 389 tờ bản đồ số 24 và thửa đất số 416, thửa đất số 421 tờ bản đồ số 23

3 Căn cứ Biên bản số 239/BB-UBND ngày 26/05/2025 của UBND phường Đại Mỗ; 70/BB-QLDA ngày 02/08/2025 của Ban QLDA; Giấy xác nhận số 143/GXN-UBND ngày 01/12/2025 của UBND phường Đại Mỗ

II PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

STT	Nội dung bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường về đất:					108.460.000	(1)
-	Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP, đã được cấp GCNQSDĐ	m2	374,0	290.000	100%	108.460.000	Căn cứ Nghị quyết 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội
2	Các khoản hỗ trợ:					554.252.000	(2)
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất (Thực hiện theo khoản 5 Điều 109 Luật đất đai 2024 và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ). Mức hỗ trợ căn cứ theo Điều 16 Bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội. Mức hỗ trợ (05 lần x 290.000 đồng/m2 = 1.450.000đồng/m2)	m2	374,0	1.450.000	100%	542.300.000	
-	Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ gia đình, cá nhân (tỷ lệ % mất đất từ 30% đến 70%). Mức hỗ trợ căn cứ theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ. Mức hỗ trợ: 30kg gạo x 16.600 vnd x 06 tháng = 2.980.000 vnd/ người	khẩu	4	2.988.000	100%	11.952.000	
-	Thưởng tiền độ giải phóng mặt bằng (theo Điểm 1 Khoản 5 Điều 1, Quyết định số: 10/2026/QĐ-UBND ngày 18/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố: 10.000 đồng/m2 nhưng không quá 10.000.000 đồng/chủ sử dụng)	m2	374,0	10.000	100%	0	Không xem xét hỗ trợ do hộ gia đình, cá nhân không phối hợp trong công tác kê khai, điều tra hiện trạng về đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định
3	Bồi thường về cây cối, hoa màu:					6.163.500	(3)
-	Cây trồng trên thửa đất số 421 tờ bản đồ số 23 diện tích 113m2						
+	Đào thế: 50 cm ≤ cao < 150 cm	cây	70	73.500	50%	2.572.500	
-	Cây trồng trên thửa đất số 416 tờ bản đồ số 23 diện tích 119m2						
+	Rau muống chuyên canh	cây	50	18.900	100%	945.000	
-	Cây trồng trên thửa đất số 389 tờ bản đồ số 24 diện tích 142m2						
+	Rau muống chuyên canh	cây	140	18.900	100%	2.646.000	
Tổng cộng: (1+2+3)						668.875.500	

(Bảng chữ: Sáu trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng./.)